

Số: 1208-2024/CBTT-HAH

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
- Mã chứng khoán : HAH
- Địa chỉ : Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.39877515
- Fax : 024.39444022
- Email : info@haiants.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/8/2024 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Ngọc Minh

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2024

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và thay đổi lần thứ 17 ngày 05/07/2024.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2023 như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	6T2024	6T2023	Chênh lệch
BCTC hợp nhất				
- Doanh thu thuần	đồng	1.652.886.687.515	1.266.564.990.887	30,50%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	171.060.736.115	216.229.741.613	-20,89%
BCTC công ty mẹ				
- Doanh thu thuần	đồng	628.127.215.860	580.473.922.376	8,21%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	164.768.034.697	214.058.280.066	-23,03%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD 6 tháng đầu năm nay giảm 20,89% (BC hợp nhất) và giảm 23,03% (BC công ty mẹ) so với 6 tháng đầu năm trước do:

+ Giá cho thuê tàu giảm (6 tháng đầu năm trước vẫn giữ được mức giá cho thuê cao do các hợp đồng đã ký trước đó.)

+ Sản lượng hoạt động khai thác tàu tăng nhưng giá cước vận tải bình quân giảm so với cùng kỳ, cùng với chi phí cho đội tàu tăng do thêm 02 tàu đưa vào sử dụng trong kỳ là HA Alfa và HA Beta dẫn đến lợi nhuận hoạt động khai thác tàu giảm.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Tuấn

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 gồm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 17 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn, thay đổi vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Anh Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số: 2.0501/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc****Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1****Người được ủy quyền****Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.558.342.731.341	1.600.183.520.090
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	368.050.187.033	245.416.444.931
1. Tiền	111		259.050.187.033	122.266.444.931
2. Các khoản tương đương tiền	112		109.000.000.000	123.150.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.500.000.000	72.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	33.500.000.000	72.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		882.120.310.482	1.005.170.941.157
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	318.349.360.680	228.002.690.255
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	275.048.314.381	439.868.851.874
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	48.431.568.000	50.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	242.608.196.411	289.491.066.743
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2.317.128.990)	(2.191.667.715)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		73.769.949.940	97.130.984.832
1. Hàng tồn kho	141	V.8	73.769.949.940	97.130.984.832
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		200.902.283.886	179.965.149.170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	18.916.027.548	15.776.745.747
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		165.426.046.162	125.141.128.560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	16.560.210.176	39.047.274.863
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.367.034.742.268	3.758.765.837.975
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		112.904.900.000	113.018.300.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	112.904.900.000	113.018.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.569.635.390.265	3.117.716.025.658
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.358.441.967.547	2.868.563.423.715
Nguyên giá	222		4.856.623.433.513	4.197.228.766.663
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.498.181.465.966)	(1.328.665.342.948)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	206.730.210.465	245.994.150.746
Nguyên giá	225		443.913.077.302	439.180.122.735
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(237.182.866.837)	(193.185.971.989)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	4.463.212.253	3.158.451.197
Nguyên giá	228		16.213.287.885	14.438.287.885
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.750.075.632)	(11.279.836.688)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.271.591.865	30.167.374.406
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	22.271.591.865	30.167.374.406
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		161.677.297.043	155.416.142.173
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	141.226.430.543	134.965.275.673
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.450.866.500	20.450.866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		500.545.563.095	342.447.995.738
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	424.313.203.256	342.447.995.738
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.18	76.232.359.839	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.925.377.473.609	5.358.949.358.065

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.570.104.958.643	2.188.203.556.382
I. Nợ ngắn hạn	310		1.025.541.601.790	937.258.799.894
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	211.780.202.031	155.454.367.807
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.785.190.138	976.415.726
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	30.035.879.844	96.947.200.069
4. Phải trả người lao động	314		33.701.722.456	31.759.276.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	57.527.218.603	18.766.015.749
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	20.490.514.636	4.306.751.216
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	96.168.090.191	108.245.500.331
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	432.862.930.330	394.192.141.723
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.648.342.710	2.648.342.710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	138.541.510.851	123.962.788.426
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.544.563.356.853	1.250.944.756.488
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.26	2.001.220.046	711.882.200
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	257.625.260.000	257.625.260.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	1.284.936.876.807	992.607.614.288
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.355.272.514.966	3.170.745.801.683
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	3.355.272.514.966	3.170.745.801.683
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.055.168.810.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.055.168.810.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		811.454.756.537	663.573.756.537
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		740.420.748.869	750.545.194.154
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		569.360.012.754	750.545.194.154
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		171.060.736.115	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		556.587.551.401	509.817.392.833
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.925.377.473.609	5.358.949.358.065

Người lập biểu



Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc


Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.652.886.687.515	1.266.564.990.887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.652.886.687.515	1.266.564.990.887
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.296.751.010.211	926.915.481.864
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		356.135.677.304	339.649.509.023
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.704.155.389	12.640.683.173
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	53.495.197.175	39.815.328.829
Trong đó: chi phí lãi vay	23		41.327.125.156	38.711.465.334
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	6.261.154.870	5.206.980.778
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	77.942.610.459	58.134.466.503
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		239.663.179.929	259.547.377.642
12. Thu nhập khác	31	VI.6	3.258.151.621	3.651.881.205
13. Chi phí khác	32	VI.7	5.116.613.338	762.889.915
14. Lợi nhuận khác	40		(1.858.461.717)	2.888.991.290
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		237.804.718.212	262.436.368.932
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	61.992.919.513	56.341.933.753
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		175.811.798.699	206.094.435.179
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.21	171.060.736.115	216.229.741.613
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.21	4.751.062.584	(10.135.306.434)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.314	1.639
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.314	1.639

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		237.804.718.212	262.436.368.932
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	207.037.477.346	176.843.068.625
- Các khoản dự phòng	03	V.7	125.461.275	91.930.984
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	4.993.041.509	2.027.091
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(6.035.643.324)	(8.422.359.994)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	41.327.125.156	38.711.465.334
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		485.252.180.174	469.662.500.972
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(68.839.580.386)	55.787.012.565
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		23.361.034.892	(6.466.590.363)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		172.011.954.067	22.163.253.518
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(85.101.004.465)	(21.768.524.555)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.133.424.212)	(47.112.011.870)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(93.558.820.819)	(138.291.076.466)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	270.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(20.026.277.575)	(7.343.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		381.966.061.676	326.901.243.801
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(624.740.025.020)	(255.310.913.330)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.625.651.675	936.683.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.500.000.000)	(41.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		74.068.432.000	61.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.069.553.022	7.488.939.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(576.476.388.323)	(226.885.290.322)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	22.593.900.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.19	558.253.309.585	96.265.448.896
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.19	(193.530.277.794)	(202.408.516.461)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.19	(47.830.265.231)	(44.892.912.331)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.960.000)	(9.762.744.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	316.876.806.560	(138.204.824.096)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	122.366.479.913	(38.188.870.617)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	245.416.444.931	415.481.021.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	267.262.189	309.442.852
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	368.050.187.033	377.601.594.013

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kết quả kinh doanh kỳ này giảm so với kỳ trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu giảm do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu giảm so với kỳ trước, giá vốn của hoạt động khai thác tàu tăng chủ yếu do chi phí khấu hao của các tàu mới.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0412-2023/NQ-HĐQT ngày 06/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 4.638.600 cổ phần, tương đương 51,54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép từ ông Lê Phong Hiếu và bà Đỗ Thị Hải Yến với giá chuyển nhượng là 124.423.676.376 VND. Mục đích của việc mua để Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép trở thành công ty con của Tập đoàn với tỷ lệ sở hữu 51,54% vốn điều lệ. Ngày 31/3/2024, Công ty đã hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

	Tại ngày 31/3/2024
Tài sản	89.730.427.173
Tiền và các khoản tương đương tiền	742.238.783
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.383.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.570.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	6.136.364
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12.442.114
Chi phí trả trước dài hạn (*)	81.016.609.912

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Tại ngày 31/3/2024
Nợ phải trả	7.440.000
Phải trả người bán ngắn hạn	7.440.000
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	89.722.987.173
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	43.479.759.584
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	46.243.227.589
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	124.423.676.376
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	78.180.448.787

(*) Giá trị hợp lý của tài sản tại ngày mua được tạm ghi nhận theo giá trị ghi sổ, do việc định giá chưa hoàn thành vào ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được phê duyệt phát hành.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất
Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đình Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép (*)	Tổ 13 Khu phố Thị Vải, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Bãi Container và Dịch vụ cảng	51,54%		51,54%	

(*) Theo Nghị quyết số 0806-2024/NQ-HĐQT ngày 29/6/2024, Hội đồng quản trị thông qua việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho 01 cá nhân. Theo thỏa thuận hợp đồng, thủ tục sang tên cổ phần sẽ được thực hiện ngay sau khi Công ty nhận được 100% giá trị chuyển nhượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	60%	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	40,82%	40,82%	68,03%	68,03%

(i) Là Công ty con của Công ty con - Công ty TNHH Cảng Hải An.

(ii) Là Công ty con của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng	Vận tải hàng hóa	36,16%	36,16%	36,16%	36,16%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ^(*)	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	18,65%	18,65%	34%	34%

(*) Là Công ty liên kết của Công ty con - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 616 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 617 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty TNHH Pan Hải An đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính Container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Trái phiếu

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn), do đó, được kế toán như trái phiếu thường, theo quy định tại Điều 59, Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu được phản ánh theo mệnh giá. Công ty không phát sinh các khoản chiết khấu trái phiếu hoặc phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.841.981.503	4.717.598.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	254.208.205.530	117.548.846.431
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	109.000.000.000	123.150.000.000
Cộng	368.050.187.033	245.416.444.931

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Là tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱ⁾	1.494.000.000	32.272.444.755	33.766.444.755	1.494.000.000	32.185.376.357	33.679.376.357
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ⁽ⁱⁱ⁾	85.000.000.000	22.459.985.788	107.459.985.788	85.000.000.000	16.285.899.316	101.285.899.316
Cộng	86.494.000.000	54.732.430.543	141.226.430.543	86.494.000.000	48.471.275.673	134.965.275.673

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.553.760	36,16%	1.553.760	36,16%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	8.500.000	34,00%	8.500.000	34,00%

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	33.679.376.357	1.640.682.798	(1.553.614.400)	33.766.444.755
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	101.285.899.316	6.174.086.472	-	107.459.985.788
Cộng	134.965.275.673	7.814.769.270	(1.553.614.400)	141.226.430.543

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	42.232.046.334	50.637.681.337
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	2.783.566.588	3.103.098.273
Bồi thường cho Công ty liên kết	-	7.377.804
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	3.002.091.020	6.510.852.620
Công ty liên kết chia cổ tức	1.553.614.400	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	11.068.377.605	9.315.312.075
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	271.731.239	99.016.626
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty liên kết	40.185.210.509	31.993.441.866
Vay Công ty liên kết	-	25.000.000.000
Trả gốc vay cho Công ty liên kết	-	25.000.000.000
Lãi vay phải trả công ty liên kết	-	287.671.233

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾	450.000.000	-	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	20.450.866.500	-	20.450.866.500	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức số tiền 20.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201796751 ngày 03 tháng 7 năm 2017 thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô có vốn điều lệ 3.500.000.000 VND, tương đương 350.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn sở hữu 63.000 cổ phần, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty này, không biến động so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	29.517.704.418	25.274.038.701
Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	18.751.144.013	16.172.936.363
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	3.941.628.923	3.350.810.757
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.789.801.494	987.666.183
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	1.035.129.988	4.762.625.398
Phải thu các khách hàng khác	288.831.656.262	202.728.651.554
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	13.226.740.321	19.847.863.706
Gold Star Line Limited	12.025.060.562	17.834.334.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ocean Network Express Pte. Ltd.	44.700.659.393	13.756.978.179
Các khách hàng khác	218.879.195.986	151.289.475.669
Cộng	318.349.360.680	228.002.690.255

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd. (*)	255.722.432.000	434.925.760.600
Các nhà cung cấp khác	19.325.882.381	4.943.091.274
Cộng	275.048.314.381	439.868.851.874

(*) Tạm ứng theo giai đoạn cho 01 hợp đồng đóng mới 01 tàu container tải trọng 1.800 TEU. Thời gian dự kiến bàn giao trong năm 2024.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Phong Hiếu (*)	48.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck	431.568.000	-
Cộng	48.431.568.000	50.000.000.000

(*) Là các khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 12%/năm, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay đầu tiên phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2020. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số CC481398. Theo cam kết trả nợ mới nhất ngày 12/7/2024, khoản cho vay sẽ được hoàn trả muợn nhất trước ngày 30/12/2024, đồng thời số tiền lãi của gốc vay được gia hạn tính theo lãi suất thỏa thuận, không tính lãi phạt và tiền lãi phát sinh trên số tiền lãi lũy kế đến kỳ hạn.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	112.673.494.878	-	72.494.669.837	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	112.303.675.732	-	72.118.465.222	-
- Kết quả hoạt động BCC				
Các khoản chi hộ	369.819.146	-	376.204.615	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	129.934.701.533	-	216.996.396.906	-
Tạm ứng	6.235.679.572	-	4.592.598.778	-
Lãi tiền gửi dự thu	96.539.752	-	141.147.946	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	180.000.000	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án ⁽ⁱ⁾	-	-	124.423.676.376	-
Seacube Containers - Đặt cọc	3.466.428.804	-	3.305.413.440	-
Ký cược, ký quỹ	505.629.000	-	310.990.000	-
Tạm tính doanh thu	32.053.442.171	-	6.814.173.715	-
Chi phí tổn thất sự cố tàu Haian City chờ bồi thường ⁽ⁱⁱ⁾	83.605.090.205	-	73.925.261.495	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.971.892.029	-	3.303.135.156	-
Cộng	242.608.196.411	-	289.491.066.743	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Xem Thuyết minh I.6a

(ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212	199.933.564.212
Bảo hiểm tạm ứng tiền bồi thường	(76.008.302.717)	(76.008.302.717)
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Chi phí tổn thất chung nhận phân chia từ MCO (*)	9.679.828.710	-
Số còn lại chờ bồi thường	83.605.090.205	73.925.261.495

(*) Ngày 28/6/2024, Tập đoàn nhận được chi phí tổn thất chung phân chia từ Marine Claims Office Of Asian (MCO) số tiền 384.235 USD, tương ứng 9.679.828.710 VND. Tập đoàn đang tiếp tục làm việc với MCO và Tổng Công ty bảo hiểm PVI để xác định số tiền được bồi thường.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	112.820.400.000	-	112.820.400.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (*)	112.820.400.000	-	112.820.400.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	84.500.000	-	197.900.000	-
Ký cược, ký quỹ	84.500.000	-	197.900.000	-
Cộng	112.904.900.000	-	113.018.300.000	-

(*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (“Bên kiểm soát”) về tiền vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn là 44%, thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Hưng Thịnh	65.089.486	(65.089.486)	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia	99.744.126	(99.744.126)	99.744.126	(99.744.126)
Navigator Marine Corp	1.967.051.879	(1.967.051.879)	1.875.682.463	(1.875.682.463)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại & Xuất nhập khẩu Khánh Huy	296.103.280	(148.051.640)	296.103.280	(148.051.640)
Samudera Shipping Line Ltd	108.361.118	(34.091.859)	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.100.000	(3.100.000)	3.100.000	(3.100.000)
Cộng	2.539.449.889	(2.317.128.990)	2.339.719.355	(2.191.667.715)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.191.667.715	1.988.327.236
Trích lập dự phòng bổ sung	125.461.275	91.930.984
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<u>2.317.128.990</u>	<u>2.080.258.220</u>

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	69.961.702.923	-	90.932.840.731	-
Công cụ, dụng cụ	605.241.866	-	662.611.160	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.203.005.151	-	5.535.532.941	-
Cộng	<u>73.769.949.940</u>	-	<u>97.130.984.832</u>	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	418.446.929	756.961.103
Chi phí bảo hiểm	4.663.571.186	5.030.047.836
Chi phí dầu nhờn	11.746.796.077	6.418.121.989
Các chi phí khác	2.087.213.356	3.571.614.819
Cộng	<u>18.916.027.548</u>	<u>15.776.745.747</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.810.344.669	843.519.929
Tiền thuê đất (*)	278.502.473.520	200.337.437.256
Chi phí sửa chữa tài sản	11.935.648.281	15.363.167.884
Phí sửa chữa lên đà tàu	130.895.033.318	124.355.836.026
Các chi phí khác	1.169.703.468	1.548.034.643
Cộng	<u>424.313.203.256</u>	<u>342.447.995.738</u>

(*) Tiền thuê đất bao gồm:

Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m2 trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành "Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ") theo hợp đồng số 05.HĐTD/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư với tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép thuê đất trả tiền một lần từ ngày 30/01/2019 đến ngày 04/5/2061, diện tích 310.507,9 m2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	536.053.228.057	364.988.076.318	3.247.044.653.608	8.778.254.144	40.364.554.536	4.197.228.766.663
Tăng trong kỳ	-	-	666.701.519.997	-	-	666.701.519.997
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.476.394.817)	-	-	(3.476.394.817)
Giảm khác do quyết toán	-	-	(3.385.003.785)	-	(445.454.545)	(3.830.458.330)
Số cuối kỳ	536.053.228.057	364.988.076.318	3.906.884.775.003	8.778.254.144	39.919.099.991	4.856.623.433.513
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	49.153.082.298	206.008.573.519	129.184.198.516	2.546.517.707	342.909.091	387.235.281.131
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	219.604.191.161	305.078.749.290	774.348.567.365	5.098.572.358	24.535.262.774	1.328.665.342.948
Khấu hao trong kỳ	15.653.306.676	10.690.650.920	143.479.975.913	820.529.724	1.009.616.569	171.654.079.802
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.041.441.638)	-	-	(2.041.441.638)
Giảm khác do quyết toán	-	-	-	-	(96.515.146)	(96.515.146)
Số cuối kỳ	235.257.497.837	315.769.400.210	915.787.101.640	5.919.102.082	25.448.364.197	1.498.181.465.966
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	316.449.036.896	59.909.327.028	2.472.696.086.243	3.679.681.786	15.829.291.762	2.868.563.423.715
Số cuối kỳ	300.795.730.220	49.218.676.108	2.991.097.673.363	2.859.152.062	14.470.735.794	3.358.441.967.547

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.240.096.571.915 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là container thuê tài chính

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	439.180.122.735	(193.185.971.989)	245.994.150.746
Thuê tài chính trong kỳ	4.732.954.567	-	4.732.954.567
Khấu hao trong kỳ	-	(43.996.894.848)	(43.996.894.848)
Số cuối kỳ	443.913.077.302	(237.182.866.837)	206.730.210.465

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	9.493.272.649	14.438.287.885
Mua trong kỳ	-	1.775.000.000	1.775.000.000
Số cuối kỳ	4.945.015.236	11.268.272.649	16.213.287.885
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	7.410.912.649	7.410.912.649
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.815.362.621	8.464.474.067	11.279.836.688
Khấu hao trong kỳ	70.643.076	399.595.868	470.238.944
Số cuối kỳ	2.886.005.697	8.864.069.935	11.750.075.632
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.129.652.615	1.028.798.582	3.158.451.197
Số cuối kỳ	2.059.009.539	2.404.202.714	4.463.212.253
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ (*)	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	11.315.650.857	665.572.655.095	(665.606.190.041)	(4.972.594.858)	6.309.521.053
Xây dựng cơ bản dở dang	183.047.138	-	-	(90.454.545)	92.592.593
Sửa chữa lớn tài sản cố định	18.668.676.411	37.195.702.942	-	(39.994.901.134)	15.869.478.219
Cộng	30.167.374.406	702.768.358.037	(665.606.190.041)	(45.057.950.537)	22.271.591.865

(*) Trong đó, Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị con tàu hoàn thành nhận bàn giao trong kỳ là 7.459.016.393 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	16.486.037.077	13.401.802.815
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	313.609.200	309.874.372
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	551.805.406	440.656.243
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15.618.786.471	5.972.154.780
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	1.836.000	23.337.720
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	6.655.779.700
Phải trả các nhà cung cấp khác	195.294.164.954	142.052.564.992
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	1.910.723.018
Baseblue (Asia) Limited	21.736.719.739	29.041.629.301
PT Indofuels Limited	30.983.366.125	18.714.105.314
Công ty Cổ phần Việt Đức	7.803.050.901	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	3.729.330.336	-
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	3.532.221.745	-
Các nhà cung cấp khác	127.509.476.108	92.386.107.359
Cộng	211.780.202.031	155.454.367.807

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.077.369.321	2.439.298	20.787.285.139	(18.338.813.500)	5.523.401.662	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	53.727.393.838	(53.727.393.838)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	365.697.679	(365.697.679)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	81.520.064.286	39.044.620.948	55.967.051.098	(93.558.820.819)	21.443.883.793	16.560.210.176
Thuế thu nhập cá nhân	3.249.711.288	214.617	8.118.805.471	(8.300.832.568)	3.067.469.574	-
Tiền thuê đất	-	-	2.113.470.323	(2.113.470.323)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	376.268.000	(376.268.000)	-	-
Thuế môn bài	-	-	20.000.000	(20.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.100.055.174	-	5.777.817.328	(14.876.747.687)	1.124.815	-
Cộng	96.947.200.069	39.047.274.863	147.253.788.876	(191.678.044.414)	30.035.879.844	16.560.210.176

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
- Cung cấp nước ngọt	5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	8-10%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 04 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế tính từ năm thứ tư (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế	61.992.919.513	56.341.933.753
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	9.834.500.590	15.764.504.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên kiểm soát hợp tác kinh doanh nộp hộ	(15.860.369.005)	(8.652.711.477)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	55.967.051.098	63.453.726.856

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
<i>Vị trí đất nộp tiền thuê đất hàng năm</i>		
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP MHC	35.523,8 m ²	36.210 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 1)	56.305 m ²	19.276 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 2)	48.700 m ²	19.208 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3)	10.529 m ²	12.630 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3.1)	3.095 m ²	14.355 VND
<i>Vị trí đất nộp tiền thuê đất trả một lần (xem thuyết minh số V.9b)</i>		
- Khu đất phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) thuộc quyền sử dụng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ	154.000 m ²	1.527.935 VND
- Khu đất tại p. Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	310.507,9 m ²	5.318 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	17.016.461.998	6.822.761.054
Chi phí trích trước hoạt động khai thác tàu	22.504.075.998	8.133.024.032
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	18.006.680.607	3.810.230.663
Cộng	57.527.218.603	18.766.015.749

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	55.488.329.673	73.870.951.535
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	52.951.933.838	73.330.951.535
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	13.893.876.354	11.492.203.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	7.193.384.482	35.216.065.701
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	31.592.941.763	26.622.682.295
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	271.731.239	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	540.000.000	540.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	40.679.760.518	34.374.548.796
Kinh phí công đoàn	738.543.729	672.530.830
Bảo hiểm xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp	159.179.478	10.554.198
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	24.578.261.378	20.948.484.834
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.924.146.000	8.926.308.000
Cổ tức phải trả	60.885.600	76.845.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C – Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	679.657.068	2.299.303.652
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.539.087.265	1.440.521.682
Cộng	96.168.090.191	108.245.500.331

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	207.625.260.000	207.625.260.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	28.325.260.000	28.325.260.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	77.100.000.000	77.100.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	82.200.000.000	82.200.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	257.625.260.000	257.625.260.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Là khoản nhận vốn góp theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) số 48-HĐHTKD ngày 18/04/2017, số 66/HĐHTKD ngày 08/05/2019, số 68/HĐHTKD ngày 29/06/2020, số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11/01/2021, số 02-2021/HKHTKD ngày 02/02/2021 và số 03-2021/HĐHTKD ngày 25/11/2021. Theo các hợp đồng này, Tập đoàn là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác của hợp đồng là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Chi tiết số vốn góp theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND

	Tập đoàn góp vào BCC	Tỷ lệ	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Tỷ lệ	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Tỷ lệ	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Tỷ lệ	Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Tỷ lệ	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	Tỷ lệ	Cộng
Hợp đồng BCC số 66-2019 (tàu Hải An Mind)	50.000	66,67%	5.000	6,67%	10.000	13,33%	10.000	13,33%	-	-	-	-	75.000
Hợp đồng BCC số 68-2020 (tàu Hải An View)	70.000	70,00%	5.000	5,00%	10.000	10,00%	15.000	15,00%	-	-	-	-	100.000
Hợp đồng BCC số 02-2021 (tàu Hải An West)	99.000	90,00%	-	-	11.000	10,00%	-	0,00%	-	-	-	-	110.000
Hợp đồng BCC số 03-2021 (tàu Hải An City)	157.000	64,88%	-	-	10.000	4,13%	5.000	2,07%	20.000	8,26%	50.000	20,66%	242.000
Hợp đồng BCC số 02-2022 (tàu Hải An Rose)	384.260	84,27%	8.440	1,85%	21.100	4,63%	42.200	9,25%	-	-	-	-	456.000
Hợp đồng BCC số 01-2023 (tàu Hải An Alfa)	317.631	96,98%	9.885	3,02%	-	-	-	-	-	-	-	-	327.516
Hợp đồng BCC số 48 (tàu Hải An Bell)	65.000	81,25%	-	-	10.000	12,50%	5.000	6,25%	-	-	-	-	80.000
Hợp đồng BCC số 0101-2021 (tàu Hải An East)	90.000	90,00%	-	-	5.000	5,00%	5.000	5,00%	-	-	-	-	100.000
	1.232.891		28.325		77.100		82.200		20.000		50.000		1.490.516

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>50.533.637.769</i>	<i>70.380.344.181</i>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱ⁾	50.533.637.769	59.741.828.002
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	-	10.638.516.179
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>286.717.819.917</i>	<i>230.618.191.102</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	231.537.137.148	210.787.031.102
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	7.547.370.000	10.063.160.000
Pantos Holding Incorporation	10.189.200.000	9.768.000.000
Zim Intergrated Shipping Services Ltd	37.444.112.769	-
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>95.611.472.644</i>	<i>93.193.606.440</i>
Cai International, INC	44.616.214.230	45.081.859.680
Seaco Global Limited	14.588.005.005	14.023.282.680
Seacube Containers	14.669.359.399	13.192.074.720
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	21.737.894.010	20.896.389.360
Cộng	<u>432.862.930.330</u>	<u>394.192.141.723</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 20 tháng 04 năm 2022 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại bao gồm chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức tiện ích theo thỏa thuận này là 12 tháng kể từ ngày của thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn với thời hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	70.380.344.181	230.618.191.102	93.193.606.440	394.192.141.723
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	63.903.991.382	-	-	63.903.991.382
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	165.306.008.815	47.558.211.244	212.864.220.059
Tăng khác do chênh lệch tỷ giá	-	573.200.000	2.689.920.191	3.263.120.191
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(83.750.697.794)	(109.779.580.000)	(47.830.265.231)	(241.360.543.025)
Số cuối kỳ	<u>50.533.637.769</u>	<u>286.717.819.917</u>	<u>95.611.472.644</u>	<u>432.862.930.330</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	657.269.576.430	775.363.472.476
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	654.753.796.430	770.331.902.476
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính ⁽ⁱⁱ⁾	2.515.780.000	5.031.570.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	45.348.212.365
Pantos Holding Incorporation ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	9.768.000.000
Zim Intergrated Shipping Services Ltd ^(iv)	-	35.580.212.365
Nợ thuê tài chính ^(v)	137.185.633.711	171.895.929.447
Cai International, INC	58.621.626.252	76.342.463.340
Seaco Global Limited	19.303.666.110	25.479.019.698
Seacube Containers	19.454.404.625	21.579.996.247
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	39.805.936.724	48.494.450.162
Trái phiếu chuyển đổi dài hạn ^(vi)	490.481.666.666	-
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	80.000.000.000	-
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	113.000.000.000	-
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	167.000.000.000	-
Vietnam Growth Investment Fund L.P	140.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(9.518.333.334)	-
Cộng	1.284.936.876.807	992.607.614.288

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng 02.2019/HĐCV/VCB-HAIA ngày 29/11/2019	đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 12.663.000.000 VND	60 tháng	2 xe nâng Kalmar
Hợp đồng 01.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09/4/2021	mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An West
Hợp đồng 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021	đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 9.604.886.250 VND	60 tháng	2 xe nâng Kalmar
Hợp đồng 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022	đầu tư dự án tàu container Marine Bia (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An City
Hợp đồng 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08/11/2022	đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Rose
Hợp đồng 01.2021/HĐCV/VCB-HACT ngày 05/3/2021	đầu tư dự án tàu container Max King (Hải An East), số tiền 73.880.400.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An East
Hợp đồng 01.2023/HĐCV/VCB-XDHA ngày 12/12/2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng	Tàu Hải An Alfa

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Hợp đồng 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/9/2018	đầu tư thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An, số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng	120 tháng	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải)
Hợp đồng 01.2021/HĐCV/VCB - PANHAIAN ngày 14/7/2021	tài trợ chi phí đầu tư phương tiện, thiết bị nâng cao năng lực khai thác kho; số tiền vay tối đa là 13.404.000.000 VND	60 tháng	Tài sản, thiết bị thuộc dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất, quyền khai thác kho bãi hình thành từ dự án, máy móc thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải)

Thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu.

Các khoản vay có lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay (ngày 26/03/2020) và có thể trả nợ gốc một lần hoặc nhiều lần. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (iv) Khoản vay Zim Intergrated Shipping Services Ltd theo Khế ước số ngày 25/8/2023 với số tiền 1.470.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 02 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay (ngày 19/09/2023) và có thể trả nợ gốc một lần hoặc nhiều lần. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (v) Thuê tài chính theo các hợp đồng sau:

<u>Hợp đồng</u>	<u>Tài sản thuê</u>	<u>Giá thuê</u>
Công ty CAI International, Inc HAIN-550 ngày 12/05/2021	300 container 20DC và 200 container 40HC	2,33 USD/cont/ngày và 3,95 USD/cont/ngày
Công ty Seaco Global Limited 182972 ngày 01/01/2021	300 container 20 Box Standard và 200 container 40HC	2,45 USD/cont/ngày và 4,17 USD/cont/ngày
Công ty Seacube Containers LLC Thỏa thuận ngày 12/11/2020, phụ lục số HATS001 ngày 16/04/2021 và phụ lục số HATS003 ngày 01/4/2024	600 container 20DC và 600 container 40HC	1,81 USD/cont/ngày 3,11 USD/cont/ngày 1,35 USD/cont/ngày 2,35 USD/cont/ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hợp đồng	Tài sản thuê	Giá thuê
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C HỆMTTC/SAOAD.C-HACT ngày 01/04/2022	400 container 40HC (BW4) và 200 container 20 Box Standard (BX2)	4,52 USD/cont/ngày và 2,65 USD/cont/ngày

Các hợp đồng đều có thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.

(vi) Trong kỳ, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho một số nhà đầu tư để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2023. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn). Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi này như sau:

- Thời điểm phát hành	: 02/02/2024
- Kỳ hạn gốc	: 05 năm
- Ngày đáo hạn	: 02/02/2029
- Số lượng trái phiếu phát hành	: 500 trái phiếu
- Mệnh giá	: 1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Lãi suất	: 6%/năm
- Tài sản đảm bảo	: Một tàu biển thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con của tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-CON-002314-2 ngày 04/7/2017 do Chi cục hàng hải Việt Nam cấp. Tổ chức phát hành cam kết sử dụng một tàu đóng mới thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hình thành trong tương lai, được HAH đặt đóng mới theo Hợp đồng đóng tàu số HC2021-19 ký ngày 04/8/2021 giữa HAH và Huanghai Shipbuilding Co.,Ltd (gọi tắt là Tàu HCY-266) làm tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai để thay thế cho tài sản bảo đảm tại ngày phát hành ngày sau khi tàu HCY-266 đủ điều kiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	896.354.083.578	239.084.507.148	551.608.076.430	105.661.500.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	47.633.312.769	47.633.312.769	-	-
Nợ thuê tài chính	232.797.106.355	95.611.472.644	137.185.633.711	-
Trái phiếu chuyển đổi	490.481.666.666	-	490.481.666.666	-
Cộng	1.667.266.169.368	382.329.292.561	1.179.275.376.807	105.661.500.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	996.213.663.578	220.850.191.102	648.569.672.476	126.793.800.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	55.116.212.365	9.768.000.000	45.348.212.365	-
Nợ thuê tài chính	265.089.535.887	93.193.606.440	171.895.929.447	-
Cộng	1.316.419.411.830	323.811.797.542	865.813.814.288	126.793.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay ngân hàng	Vay các tổ chức khác	Nợ thuê tài chính	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	Cộng
Số đầu năm	775.363.472.476	45.348.212.365	171.895.929.447	-	992.607.614.288
Số tiền vay phát sinh	-	-	4.732.954.567	489.616.363.636	494.349.318.203
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	-	-	865.303.030	865.303.030
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(118.093.896.046)	(47.212.112.769)	(47.558.211.244)	-	(212.864.220.059)
CLTG do đánh giá lại	-	1.863.900.404	8.114.960.941	-	9.978.861.345
Số cuối kỳ	<u>657.269.576.430</u>	<u>-</u>	<u>137.185.633.711</u>	<u>490.481.666.666</u>	<u>1.284.936.876.807</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	89.596.543.992	19.817.000.000	(17.361.077.575)	92.052.466.417
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	34.366.244.434	14.788.000.000	(2.665.200.000)	46.489.044.434
Cộng	<u>123.962.788.426</u>	<u>34.605.000.000</u>	<u>(20.026.277.575)</u>	<u>138.541.510.851</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	703.446.670.000	191.640.648.159	390.548.782.590	1.025.370.124.082	575.914.480.623	2.886.920.705.454
Tăng giảm khác	-	-	3.285.646.460	21.813.830.758	(25.099.477.218)	-
Phân loại lại	-	-	306.139.500	(306.139.500)	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	22.593.900.000	22.593.900.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	216.229.741.613	(10.135.306.434)	206.094.435.179
Trích quỹ trong kỳ	-	-	208.820.200.000	(256.775.522.882)	(541.677.118)	(48.497.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.095.907.000)	(9.095.907.000)
Số dư cuối kỳ trước	703.446.670.000	191.640.648.159	602.960.768.550	1.006.332.034.071	553.636.012.853	3.058.016.133.633
Số dư đầu năm nay	1.055.168.810.000	191.640.648.159	663.573.756.537	750.545.194.154	509.817.392.833	3.170.745.801.683
Phân loại lại	-	-	-	1.241.637.200	(1.241.637.200)	-
Mua công ty con trong kỳ	-	-	-	-	43.479.759.584	43.479.759.584
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	171.060.736.115	4.751.062.584	175.811.798.699
Công ty mẹ trích quỹ trong kỳ	-	-	147.881.000.000	(182.386.000.000)	-	(34.505.000.000)
Công ty con trích quỹ	-	-	-	(40.818.600)	(59.181.400)	(100.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(159.845.000)	(159.845.000)
Số dư cuối kỳ này	1.055.168.810.000	191.640.648.159	811.454.756.537	740.420.748.869	556.587.551.401	3.355.272.514.966

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Chủ sở hữu	1.055.168.810.000	1.055.168.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
Cộng	1.246.809.458.159	1.246.809.458.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105.516.881	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	105.516.881	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	105.516.881	105.516.881

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 0204-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

VND

• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	:	147.881.000.000
• Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế)	:	14.788.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế)	:	19.717.000.000

Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua quyết định trả cổ tức năm 2023 là 15% cổ tức bằng cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức là 15.827.532 cổ phiếu.

Ngày 06/5/2024, Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã ban hành Nghị quyết số 0205-2024/NQ-HĐQT thông qua việc tiến hành các thủ tục để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023. Theo Thông báo số 1136/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/6/2024, ngày giao dịch không hưởng quyền là 21/6/2024, ngày đăng ký cuối cùng là 24/6/2024. Theo văn bản số 4079/UBCK-QLCB ngày 01/7/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Báo cáo Kết quả số 1706-2024/BC-HAH ngày 27/6/2024. Theo đó, Công ty mẹ đã hoàn thành việc phát hành 15.826.210 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023. Công ty mẹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ.

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 2003/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 03 năm 2024 như sau:

VND

• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền (5% vốn góp của chủ sở hữu)	:	500.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1% vốn góp của chủ sở hữu)	:	100.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.484.491.573	3.484.491.573
Trên 1 năm đến 5 năm	13.937.966.292	13.937.966.292
Trên 5 năm	34.612.233.043	36.354.478.829
Cộng	52.034.690.908	53.776.936.694

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê tổng diện tích đất 154.152,8 m² do Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động theo hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê và bằng tiền ngày 25/01/2010 (xem thuyết minh số V.15)

22b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	5.868.464,31	2.008.339,44
Euro (EUR)	253,45	258,61

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	1.332.730.316.688	1.029.184.159.029
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	126.237.665.608	89.350.518.460
Doanh thu hoạt động khác	193.918.705.219	148.030.313.398
Cộng	1.652.886.687.515	1.266.564.990.887

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	2.504.475.450	3.771.865.393
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	12.518.447.469	15.704.123.933
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	13.919.259	820.000

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	1.063.054.198.601	762.037.344.466
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	85.341.920.035	64.707.898.008
Giá vốn của hoạt động khác	148.354.891.575	100.170.239.390
Cộng	1.296.751.010.211	926.915.481.864

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.428.876.310	5.302.388.323
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	308.378.154	91.866.654
Lãi tiền cho vay	16.068.518	2.183.287.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.400.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.092.799.103	4.868.575.138
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	458.033.304	194.565.386
Cộng	8.704.155.389	12.640.683.173

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	41.327.125.156	38.711.465.334
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	334.956.012	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.382.041.194	907.271.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.451.074.813	196.592.477
Cộng	53.495.197.175	39.815.328.829

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	47.460.024.972	36.610.353.025
Chi phí vật liệu quản lý	1.052.461.028	947.924.651
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.413.644.641	1.301.371.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.860.484.230	1.181.756.640
Thuế, phí và lệ phí	101.954.504	86.735.834
Dự phòng phải thu khó đòi	125.461.275	91.930.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.715.919.224	3.506.508.786
Các chi phí khác	18.212.660.585	14.407.884.800
Cộng	77.942.610.459	58.134.466.503

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.190.698.496	936.683.999
Thanh lý chân vịt tàu Hải An Minda đã qua sử dụng	-	1.264.787.339
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	445.454.545
Phí bảo hiểm tàu được hoàn trả	-	46.390.000
Tiền bồi thường	-	464.329.269
Thu nhập khác	67.453.125	494.236.053
Cộng	3.258.151.621	3.651.881.205

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt lĩnh vực hành chính	92.641.456	257.832.725
Tiền bồi thường	337.654.232	14.777.804
Thuế bị phạt, bị truy thu	4.663.302.708	89.501.088
Chi phí khác	23.014.942	400.778.298
Cộng	5.116.613.338	762.889.915

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	171.060.736.115	216.229.741.613
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.691.000.000)	(9.908.500.000)
Trích thưởng Hội đồng quản trị	(4.943.000.000)	(7.394.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	159.426.736.115	198.927.241.613
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	121.343.091	121.343.091
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.314	1.639

- (i) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 4% và 3% lợi nhuận sau thuế kỳ này của Công ty mẹ và mức trích quỹ tại các Công ty con. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm 2023.

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	105.516.881	70.344.667
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu ngày 08/8/2023	-	35.172.214
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu ngày 01/7/2024	15.826.210	15.826.210
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	121.343.091	121.343.091

8b. Thông tin khác

Ngày 01 tháng 7 năm 2024 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.900 VND xuống còn 1.639 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	527.435.523.375	328.423.498.865
Chi phí nhân công	166.815.726.100	122.269.090.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	207.037.477.346	176.843.068.625
Chi phí thuê đất	2.839.963.736	2.834.963.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	351.671.049.366	215.750.633.091
Chi phí khác	118.893.880.747	138.928.693.585
Cộng	1.374.693.620.670	985.049.948.367

(*) Chi tiết chi phí khấu hao tài sản cố định như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao TSCĐ do Tập đoàn quản lý và sử dụng	218.069.302.542	186.155.548.985
Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị	(63.231.655.928)	(48.190.870.946)
Chi phí khấu hao hoạt động BCC nhận phân bổ	52.199.830.732	38.878.390.586
Cộng	207.037.477.346	176.843.068.625

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Tập đoàn đã mua tài sản cố định trị giá 4.732.954.567 VND thông qua nghiệp vụ thuê mua tài chính.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18a.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập	
Kỳ này						
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	886.380.000	847.329.966	60.000.000		1.793.709.966
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	60.000.000		150.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	717.980.691	686.925.900	60.000.000		1.464.906.591
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	478.800.000	425.678.844	60.000.000		964.478.844
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	60.000.000		110.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	60.000.000		110.000.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT (Từ ngày 26/4/2024)	-	-	20.000.000		20.000.000
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Đến ngày 26/4/2024)	-	50.000.000	40.000.000		90.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	484.815.935	342.640.000	-		827.455.935
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	30.000.000	-	30.000.000		60.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	37.000.000	30.000.000		67.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS (Từ 26/4/2024)	-	-	10.000.000		10.000.000
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên BKS (Đến 26/4/2024)	-	18.000.000	20.000.000		38.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	374.638.411	263.676.923	-		638.315.334
Cộng		2.972.615.037	2.861.251.633	510.000.000		6.343.866.670
					Phụ cấp khác	
Kỳ trước						
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	1.008.117.692	1.319.369.017	60.000.000	-	2.387.486.709
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	663.460.000	1.010.487.406	60.000.000	-	1.733.947.406
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	290.000.000	60.000.000	-	350.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	581.523.600	1.118.240.460	60.000.000	-	1.759.764.060
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT	225.450.000	432.455.000	60.000.000	20.760.000	738.665.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT	-	290.000.000	60.000.000	-	350.000.000
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT	478.800.000	410.805.729	-	-	889.605.729
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	-	105.000.000	30.000.000	-	135.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	66.000.000	30.000.000	-	96.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS	147.088.000	142.399.800	30.000.000	-	319.487.800
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	461.670.000	376.270.609	-	-	837.940.609
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	327.350.000	265.454.088	-	-	592.804.088
Cộng		3.893.459.292	5.826.482.109	450.000.000	20.760.000	10.190.701.401

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistics (Việt Nam)	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Con Cưng	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác kho lạnh DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Sử dụng dịch vụ cho thuê văn phòng	1.293.083.415	2.041.526.534
Chia lợi nhuận BCC	7.193.384.482	22.768.492.839
Chi trả lợi nhuận BCC	617.302.725	36.123.990.865
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Tập đoàn chia cổ tức	1.400.000.000	4.527.060.000
Sử dụng dịch vụ	3.472.222	
Chia lợi nhuận BCC	5.633.982.526	15.871.994.800
Chi trả lợi nhuận BCC	663.723.058	
Sử dụng dịch vụ đại lý	17.848.345.334	13.810.688.888
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	27.944.000	20.146.149
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	65.454.552	68.181.819
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	17.577.967.423	16.540.719.303

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.14, V.16 và V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.332.730.316.688	126.237.665.608	193.918.705.219	1.652.886.687.515
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.332.730.316.688	126.237.665.608	193.918.705.219	1.652.886.687.515

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	269.676.118.087	40.895.745.573	45.563.813.644	356.135.677.304
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(77.942.610.459)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				278.193.066.845
Doanh thu hoạt động tài chính				8.704.155.389
Chi phí tài chính				(53.495.197.175)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				6.261.154.870
Thu nhập khác				3.258.151.621
Chi phí khác				(5.116.613.338)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(61.992.919.513)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				175.811.798.699
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	691.086.580.938	1.429.929.125	176.593.031	692.693.103.094
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	133.893.231.951	14.644.726.964	948.884.593	149.486.843.508

Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.029.184.159.029	89.350.518.460	148.030.313.398	1.266.564.990.887
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.029.184.159.029	89.350.518.460	148.030.313.398	1.266.564.990.887
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	267.146.814.563	24.642.620.452	47.860.074.008	339.649.509.023
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(58.134.466.503)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				281.515.042.520
Doanh thu hoạt động tài chính				12.640.683.173
Chi phí tài chính				(39.815.328.829)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				5.206.980.778
Thu nhập khác				3.651.881.205
Chi phí khác				(762.889.915)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(56.341.933.753)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				206.094.435.179
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	57.901.572.989	45.952.629.132	8.708.027.554	112.562.229.675
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	184.978.036.704	12.125.443.614	17.763.757.362	214.867.237.680

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.873.632.665.986	312.112.081.909	692.512.673.498	5.878.257.421.393
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				47.120.052.216
Tổng tài sản				5.925.377.473.609

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.232.603.010.582	28.087.285.483	65.163.618.606	2.325.853.914.671
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				244.251.043.972
Tổng nợ phải trả				2.570.104.958.643
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.780.612.015.116	197.066.256.250	685.411.704.802	4.663.089.976.168
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				695.859.381.897
Tổng tài sản				5.358.949.358.065
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.681.303.646.380	45.780.615.787	235.190.121.693	1.962.274.383.860
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				225.929.172.522
Tổng nợ phải trả				2.188.203.556.382

2b. Thông tin về khu vực địa lý
Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán
Ngoài sự kiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức đã được trình bày ở Thuyết minh V.21d, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn